

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2019/DS-ST
Ngày: 16-9-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cầu

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng đặt cọc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2019/QĐXXST-DS ngày 8 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số 207, ấp Phú Y, xã Song P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Bà Tủy quyền cho ông Châu Thanh B, sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: 114A, đường C, phường Cái K, Quận N, Thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 20, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 24/04/2019 và lời khai tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Châu Thanh B trình bày:

Do ông H đang làm nhân viên trong nhà máy Tô Châu và biết ông H có thu mua cá đã thành phẩm của nhà máy T bán ra nên vào ngày 22/3/2019 bà T và ông Nguyễn Thế H đã ký hợp đồng mua bán cá basa số 09/NTH-JFF-2019, theo đó ông H bán cho bà T theo số lượng sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết. Hợp đồng có trị

giá là 708.345.000 đồng, ông H yêu cầu bà T đặt cọc trước 100.000.000 đồng để thực hiện hợp đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán khi nhận hàng. Thời gian giao hàng hai bên thỏa thuận là 10 ngày sau khi ký hợp đồng, trong ngày ký hợp đồng bà T đã thực hiện việc chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản có tên là Nguyễn Thế H. Sau khi bà T thực hiện chuyển tiền nhưng quá thời hạn giao hàng mà ông H vẫn chưa giao hàng theo hợp đồng ký kết. Bà T có liên hệ với ông H nhiều lần nhưng ông H né tránh, không liên lạc được. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông H phải trả tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc với số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nhưng tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền của bà T là ông Châu Thanh B xin rút lại yêu cầu tiền phạt cọc, chỉ yêu cầu ông H trả tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

Bị đơn ông Nguyễn Thế Hoàng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Thế H vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của ông H tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì ông H hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở tổ 20, ấp H, Thị trấn A, huyện C, An Giang, nhưng ông H vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tiền hợp đồng đặt cọc, đình chỉ phần yêu cầu phạt cọc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Ông Nguyễn Thế H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định pháp luật.

[2]*Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2019 bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thế H phải trả số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền của bà T rút lại yêu cầu không yêu cầu tiền phạt cọc là 100.000.000 đồng. Xét thấy, đối với việc rút lại một phần yêu cầu của nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nghĩ nên chấp nhận là phù hợp.

[2.2] Mỗi quan hệ hợp đồng đặt cọc giữa bà Võ Thị T và ông Nguyễn Thế H trên thực tế là có xảy ra trên cơ sở hợp đồng mua bán cá basa số 09/NTH-JFF-2019 ngày 22/3/2019 với số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã vi phạm hợp đồng là không giao hàng theo thỏa thuận. Tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền bà Võ Thị T yêu cầu ông H phải trả số tiền đặt cọc còn thiếu là 100.000.000 đồng. Còn ông Nguyễn Thế H trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì ông H không đến tòa tham gia hòa giải và cũng như không cung cấp chứng cứ cũng như văn bản để có ý kiến về việc khởi kiện của bà T. Do đó ông H phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ chứng minh của mình. Xét thấy, trong mỗi quan hệ hợp đồng đặt cọc ông H là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình thực hiện hợp đồng. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông H phải có nghĩa vụ trả nợ một lần số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Nguyễn Thế H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T
2. Buộc ông Nguyễn Thế H phải trả cho bà Võ Thị T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với yêu cầu rút lại phần phạt cộc

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T (có ông Châu Thanh B đại diện theo ủy quyền) được nhận lại 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014262 ngày 16 tháng 05 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thế H phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6.Về kháng cáo: Bà Võ Thị T (có ông Châu Thanh B đại diện theo ủy quyền) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2019). Ông Nguyễn Thế H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7.Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung